

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 32/2022/HS-ST
Ngày: 12/7/2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Tụ Soái**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Kim Chung** và ông **Nguyễn Công Hiền**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Mạc Văn Hình**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Trúc Quỳnh**- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Linh T**, sinh năm 2000 tại xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: thôn M, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Thợ nhôm kính; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê S (sinh năm 1973) và bà Nguyễn Thị D (sinh năm 1979); có vợ là Nguyễn Thị T (sinh năm 2000) và có 01 con sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Bà **Đỗ Thị C**, sinh năm 1967; trú tại: thôn P, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Huỳnh Bá Y**, sinh năm 1978; trú tại: thôn M, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

- Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 2000; trú tại: thôn M, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

* *Người làm chứng:* Bà **Đoàn Thị C**, sinh năm 1979; trú tại: thôn P, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 10/02/2022, Lê Linh T đến nhà ông Huỳnh Bá Y (trú thôn M, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam) mượn xe mô tô BKS 92E1-537.07 do ông Y làm chủ sở hữu để chở vợ là Nguyễn Thị T (trú thôn M, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam) và con trai là Lê Nguyễn N đi khám bệnh tại phòng khám của bác sĩ Lê H thuộc thôn P, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Đến khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày, trong lúc chờ khám bệnh cho con, do có nhu cầu đi vệ sinh nên T xin phép bà Đoàn Thị C (vợ của ông H) sử dụng nhà vệ sinh của phòng khám. Tại đây, T thấy có hai chiếc áo để trên máy giặt nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T lục lọi trong hai chiếc áo thì thấy trong túi chiếc áo khoác dài tay bằng len màu đen – trắng – đỏ của bà Đỗ Thị C (trú thôn P, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, là người giúp việc cho nhà ông H) có tiền nên lấy toàn bộ số tiền rồi bỏ vào túi quần của mình. Sau khi sử dụng nhà vệ sinh, T ra ngoài chờ khám bệnh cho con xong rồi chở vợ con về nhà. Tại đây, T lấy tiền ra đếm tổng cộng 4.500.000 đồng rồi đem cất giấu. Đến 18 giờ 45 phút cùng ngày, bà C kiểm tra túi áo khoác thì phát hiện bị mất toàn bộ số tiền 4.500.000 đồng để bên trong. Sau đó bà C làm đơn trình báo Công an xã T. Ngày 11/02/2022, Công an xã T phối hợp với Công an xã P mời T đến trụ sở UBND xã P để làm việc và T đã thừa nhận hành vi phạm tội, đồng thời giao nộp toàn bộ số tiền đã trộm cắp.

* Vật chứng tạm giữ: Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 4.500.000 đồng và 01 áo khoác dài tay bằng len, màu đen – trắng – đỏ.

Tại bản cáo trạng số 26/CT-VKSĐL ngày 09/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Lê Linh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lê Linh T từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu.

Tại hồ sơ vụ án, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng khai nhận sự việc như đã chung cấp trong giai đoạn điều tra.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với bị hại Đỗ Thị C, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Bá Y nhưng vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), người làm chứng Đoàn Thị C (vắng mặt). Tuy nhiên, việc vắng mặt của người tham gia tố tụng này không gây trở ngại cho

việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng này.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo và xuất trình các tài liệu chứng cứ phù hợp với quy định pháp luật và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

{2.1} Về hành vi, căn cứ buộc tội bị cáo: Xét lời nhận tội của bị cáo Lê Linh T tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra Công an huyện Đ; biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra sự việc; biên bản sự việc; biên bản khám xét; biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; lời khai của bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; người làm chứng cùng với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập hợp pháp có tại hồ sơ vụ án cũng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định: Vào chiều ngày 10/02/2022, khi đưa con đi khám bệnh tại phòng khám của bác sĩ Lê H tại thôn P, xã T, huyện Đ, bị cáo Lê Linh T trong lúc xin đi nhờ nhà vệ sinh của phòng khám đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 4.500.000 đồng trong túi áo khoác của bà Đỗ Thị C trái pháp luật.

Do đó, bị cáo Lê Linh T đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Tâm là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

{2.2} Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo hộ, đồng thời xử phạt nghiêm minh những ai có hành vi xâm phạm bất hợp pháp đến quyền sở hữu tài sản đó. Bị cáo Lê Linh T là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, nhưng do bản tính tham lam, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tiền của bị hại nhằm mục đích để tiêu xài cá nhân. Hành vi mà bị cáo gây ra là hết sức nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ra nhiều tác hại xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, theo quy định của pháp luật cần phải xử phạt bị cáo tương xứng với hành vi thực hiện việc phạm tội đã gây ra để có điều kiện cải tạo giáo dục riêng, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết.

Tuy nhiên xét thấy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản trộm cắp đã thu hồi trả lại cho bị hại, đơn xin xét xử vắng mặt bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hiện tại bị cáo tham gia công tác lực lượng dân quân tự vệ tại địa phương và có con còn nhỏ là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật

Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Xét hành vi trộm cắp tài sản chỉ là bộc phát, ở mức độ, không lớn, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, tham gia công tác dân quân tự vệ tại địa phương, có khả năng tự cải tạo nên áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục đối với bị cáo cũng thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, có điều kiện chăm lo cuộc sống gia đình và con nhỏ, trở thành công dân có ích cho xã hội.

{2.3} Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Đỗ Thị C nhận lại toàn bộ số tiền bị mất và không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xét.

{2.4} Về vật chứng: Các vật chứng của vụ án đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ trả lại cho chủ sở hữu nên không xét.

{2.5} Những vấn đề liên quan đến vụ án: Quá trình điều tra đã xác định ông Huỳnh Bá Y cho bị cáo Lê Linh T mượn xe mô tô BKS 92E1-537.07 để chở con đi khám bệnh nhưng không biết bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Đối với à Nguyễn Thị T cùng bị cáo T chở con đi khám bệnh nhưng không biết bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên không đề cập xử lý đối với những người này là phù hợp.

{2.6} Về án phí: Bị cáo Lê Linh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Linh T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt bị cáo Lê Linh T **06 (Sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là **12 (Mười hai)** tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/7/2022).

Giao bị cáo Lê Linh T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách án treo, nếu bị cáo Lê Linh T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù đã cho hưởng án.

2. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Linh T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái